

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2023-2024 (HỆ CÔNG LẬP)

(Đính kèm theo Quyết định số 964/QĐ-SGDĐT ngày 21/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023- 2024		Trong đó:							Ghi chú
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chương trình tiếng Pháp song ngữ		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
1	THPT Thủ Thiêm	15	675	15	675						
2	THPT Giồng Ông Tố	11	495	11	495						
3	THPT Nguyễn Văn Tăng	19	855	19	855						
4	THPT Nguyễn Huệ	15	675	15	675						
5	THPT Long Trường	17	765	17	765						
6	THPT Phước Long	12	540	12	540						
7	THPT Dương Văn Thi	10	450	10	450						
8	THPT Bình Chiểu	19	855	19	855						
9	THPT Nguyễn Hữu Huân	19	785	14	610			5	175	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Tiếng Anh (35).	Trong đó: Có 02 lớp tích hợp - 70 học sinh.
10	THPT Thủ Đức	18	810	18	810						
11	THPT Hiệp Bình	15	675	15	675						
12	THPT Linh Trung	20	900	20	900						
13	THPT Đào Sơn Tây	17	765	17	765						
14	THPT Tam Phú	13	585	13	585						
15	Phổ thông Năng khiếu thể thao Olympic	2	40	0	0			2	40	NK TDTT.	
16	THPT Trưng Vương	18	810	18	810						
17	THPT Bùi Thị Xuân	17	745	17	745						Trong đó: Có 02 lớp tích hợp - 70 học sinh.
18	THPT Ten Lơ Man	13	585	13	585						
19	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	14	510	5	195			9	315	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Sinh (35), Tiếng Anh (105), Tin (35).	Trong đó: Có 03 lớp tích hợp - 105 học sinh.
20	THPT Lương Thế Vinh	10	420	10	420						Trong đó: Có 03 lớp tích hợp - 105 học sinh.
21	THPT Năng Khiếu TDTT	7	210	7	210						
22	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	10	450	10	450						
23	THPT Lê Quý Đôn	15	525	15	525						

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023- 2024		Trong đó:							Ghi chú
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chương trình tiếng Pháp song ngữ		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
24	THPT Marie Curie	30	1.200	29	1.155	1	45				
25	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	17	735	15	665	2	70				Trong đó: Có 01 lớp tích hợp - 35 học sinh.
26	THPT Nguyễn Thị Diệu	16	720	16	720						
27	THPT Nguyễn Hữu Thọ	16	720	16	720						
28	THPT Nguyễn Trãi	16	720	16	720						
29	THPT chuyên Lê Hồng Phong	26	890	6	250	1	45	19	595	Văn (70), Toán (105), Lý (70), Hóa (70), Sinh (35), Tiếng Anh (105), Tin (35), Tiếng Trung (20), Tiếng Nhật (15), Tiếng Pháp (35), Sử (17), Địa (18).	Trong đó: Có 02 lớp tích hợp - 70 học sinh.
30	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm	8	280	8	280						
31	Phổ thông Năng Khiếu	17	600	0	0			17	600	Văn (35), Toán (70), Lý (35), Hóa (35), Sinh (35), Tiếng Anh (70), Tin (70), Chuyên KHTN (180), Chuyên KHXH (70).	
32	THPT Trần Khai Nguyên	16	720	16	720						
33	THPT Trần Hữu Trang	8	360	8	360						
34	THPT Hùng Vương	23	1.035	23	1.035						
35	Trung học thực hành Sài Gòn	5	175	5	175						Trong đó: Có 01 lớp tích hợp - 35 học sinh.
36	THPT Phạm Phú Thứ	18	810	18	810						
37	THPT Bình Phú	15	675	15	675						
38	THPT Nguyễn Tất Thành	18	810	18	810						
39	THPT Mạc Đĩnh Chi	25	1.045	19	835			6	210	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Sinh (35), Tiếng Anh (35).	Trong đó: Có 02 lớp tích hợp - 70 học sinh.
40	Trường Quốc tế Việt Nam - Phần Lan	1	24	1	24						
41	THPT Ngô Quyền	18	810	18	810						

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023- 2024		Trong đó:							Ghi chú
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chương trình tiếng Pháp song ngữ		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
42	THPT Lê Thánh Tôn	13	585	13	585						
43	THPT Tân Phong	16	720	16	720						
44	THPT Nam Sài Gòn	5	225	5	225						
45	THPT Lương Văn Can	19	855	19	855						
46	THPT Tạ Quang Bửu	15	675	15	675						
47	THPT Nguyễn Văn Linh	16	720	16	720						
48	THPT Võ Văn Kiệt	15	675	15	675						
49	THPT Ngô Gia Tự	17	765	17	765						
50	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	13	555	10	450			3	105	NK TDTT.	
51	THPT Nguyễn An Ninh	17	765	17	765						
52	THPT Nguyễn Khuyến	19	855	19	855						
53	THPT Nguyễn Du	16	560	16	560						
54	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	6	270	6	270						
55	THCS và THPT Diên Hồng	10	450	10	450						
56	THPT Trần Quang Khải	21	945	21	945						
57	THPT Nguyễn Hiền	15	525	15	525						
58	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	17	765	17	765						
59	THPT Võ Trường Toản	16	720	16	720						
60	THPT Trường Chinh	19	855	19	855						
61	THPT Thạnh Lộc	15	675	15	675						
62	THPT Nguyễn Thượng Hiền	18	730	13	555			5	175	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35) Tiếng Anh (35).	Trong đó: Có 03 lớp tích hợp - 105 học sinh.
63	THPT Nguyễn Thái Bình	17	765	17	765						
64	THPT Nguyễn Chí Thanh	17	765	17	765						
65	THPT Trần Phú	21	945	21	945						
66	THPT Lê Trọng Tấn	15	675	15	675						
67	THPT Tân Bình	18	810	18	810						
68	THPT Tây Thạnh	22	990	22	990						
69	THPT Gò Vấp	13	585	13	585						
70	THPT Trần Hưng Đạo	20	900	20	900						
71	THPT Nguyễn Công Trứ	19	855	19	855						
72	THPT Nguyễn Trung Trực	20	900	20	900						
73	THPT Võ Thị Sáu	20	900	20	900						
74	THPT Phan Đăng Lưu	17	765	17	765						
75	THPT Hoàng Hoa Thám	19	855	19	855						
76	THPT Trần Văn Giàu	17	765	17	765						

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023- 2024		Trong đó:							Ghi chú
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chương trình tiếng Pháp song ngữ		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
77	THPT Gia Định	23	945	17	735			6	210	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Tiếng Anh (35), Tin (35).	Trong đó: Có 03 lớp tích hợp - 105 học sinh.
78	THPT Thanh Đa	15	675	15	675						
79	THPT Phú Nhuận	21	915	21	915						Trong đó: Có 03 lớp tích hợp - 105 học sinh.
80	THPT Hàn Thuyên	15	675	15	675						
81	THPT An Lạc	18	810	18	810						
82	THPT Bình Hưng Hòa	18	810	18	810						
83	THPT Vĩnh Lộc	14	630	14	630						
84	THPT Nguyễn Hữu Cánh	14	630	14	630						
85	THPT Bình Tân	17	765	17	765						
86	THPT Tân Túc	18	810	18	810						
87	THPT Bình Chánh	19	855	19	855						
88	THPT Đa Phước	18	810	18	810						
89	THPT Năng khiếu TDTT Huyện Bình Chánh	13	570	12	540			1	30	NK TDTT.	
90	THPT Lê Minh Xuân	18	810	18	810						
91	THPT Phong Phú	18	810	18	810						
92	THPT Vĩnh Lộc B	20	900	20	900						
93	THPT Củ Chi	18	810	18	810						
94	THPT An Nhơn Tây	18	810	18	810						
95	THPT Phú Hòa	14	630	14	630						
96	THPT Quang Trung	15	675	15	675						
97	THPT Trung Phú	18	810	18	810						
98	THPT Tân Thông Hội	14	630	14	630						
99	THPT Trung Lập	13	585	13	585						
100	THPT Bà Điểm	16	720	16	720						
101	THPT Nguyễn Hữu Tiến	12	540	12	540						
102	THPT Hồ Thị Bi	17	765	17	765						
103	THPT Lý Thường Kiệt	14	630	14	630						
104	THPT Nguyễn Hữu Cánh	16	710	16	710						Trong đó: Có 01 lớp tích hợp - 35 học sinh.
105	THPT Phạm Văn Sáng	16	720	16	720						
106	THPT Nguyễn Văn Cừ	15	675	15	675						
107	THPT Dương Văn Dương	14	630	14	630						

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023- 2024		Trong đó:						Ghi chú	
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chương trình tiếng Pháp song ngữ		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Môn chuyên, Năng khiếu
108	THPT Long Thới	8	360	8	360						
109	THPT Phước Kiển	17	765	17	765						
110	THPT Cần Thạnh	9	405	9	405						
111	THPT An Nghĩa	10	450	10	450						
112	THPT Bình Khánh	10	450	10	450						
113	THCS và THPT Thạnh An	1	45	1	45						
114	THPT Quốc tế Việt Úc	4	90	4	90						

* **Ghi chú:** Trường tuyển sinh Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2 thực hiện theo Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024.